TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 428/2020/DS-PT
Ngày: 25/11/2020
V/v "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tuấn.**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thanh Toàn;**

Bà **Lê Thị Hồng Tâm;**

Thư ký phiên toà: Ông **Trần Quang Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 513/2020/QĐPT-DS ngày 27/10/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Bảo Q**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Trần Bảo Q**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Trần Bảo Q trình bày*:

Ông có quản lý, sử dụng phần đất có diện tích khoản 2.800m^2 tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Phần đất của ông nằm phía tây lộ nhà thờ Rạch Cầu và gần với các phần đất của các anh chị em khác trong gia đình là bà Trần Thu T, bà Trần Thị My C, ông Trần Văn Đ (trước đây là của bà

Nguyễn Thị Anh P), ông Trần Hồng N và bà Trần Thị Ánh N. Nguồn gốc đất là của ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T – cha mẹ của ông. Trước đây cha ông có làm đường nước dẫn nước từ Rạch Cầu qua các phần đất phía đông lộ nhà thờ để canh tác các phần đất này. Bên dưới lộ nhà thờ có đặt ống dẫn nước, đường ống này có từ trước nhưng đến năm 2010 được đặt lại ống mới đường kính khoảng 02 dm trong quá trình làm đường. Các anh chị em trong gia đình cam kết sử dụng chung đường ống này. Ống này do ông trông coi việc lấy nước ra vô từ năm 2005. Đến năm 2018, khi phân chia di sản của cha ông, ông được hưởng phần đất phía đông lộ nhà thờ nên mặt ống phía đông thuộc sở hữu của ông, còn mặt phía tây lộ nhà thờ do bà T quản lý. Ông Đ cũng có đất phía tây lộ nhà thờ nhưng là do nhận chuyển nhượng đất của bà Anh P.

Đầu năm 2019, khi ông Đ chưa được cấp giấy chứng nhận đối với phần đất nhận chuyển nhượng của bà Anh P nhưng ông Đ lại mở nắp bọng nước phía đông của ông. Nắp bọng này ông tự chế, nước lớn vào sẽ tự đóng không cho nước vào, còn nước ròng thì tự chảy ra. Ông Đ mở nắp này liên tục trong 03 ngày liên tiếp, khoảng ngày 17, 18 và 19 tháng 12 năm 2018 (âm lịch). Ông Đ tháo bỏ nắp bọng, ông lại làm nắp mới, ông làm lần cuối ông Đ lại mở ra nên ông để luôn và báo cho chính quyền ấp T biết. Tổ hòa giải ấp T đã hòa giải vào ngày 02/3/2019. Theo kết quả hòa giải, khi nào ông Đ có chủ quyền đất thì mới được điều tiết đường nước này. Sau hòa giải khoản 02 tuần, ông làm nắp bọng mới để lắp lại. Việc ông Đ lấy nước vào thời điểm nêu trên là thời điểm nước mặn nên làm thiệt hại vườn dừa của ông. Toàn bộ diện tích của ông trồng khoảng 89 cây dừa, trong đó có 79 cây đang cho trái, còn 10 cây dừa sắp cho trái. Trước thời điểm 2019, hàng tháng ông thu hoạch dừa khoảng 04 trăm – 04 trăm rưỡi dừa (01 chục dừa là 14 trái), còn tháng dừa treo (dừa cho trái ít) khoản 01 trăm dừa. Tuy nhiên, hiện tại dừa của ông mỗi tháng chỉ được 02 chục đến 03 chục dừa. Do đó, thiệt hại về dừa của ông Q từ khi ông Đ lấy nước vào đến nay là 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, đến ngày 25/10/2019, ông Đ lại tiếp tục mở nắp bọng ra, do lúc đó nước rong, kết hợp với mưa lớn nên đã làm ngập nhà chứa nguyên liệu làm nhang của ông. Ông có báo chính quyền ấp T. Ngày 02/11/2019, Tổ hòa giải ấp Tcó hòa giải nhưng không thành, ông tiếp tục gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã Tân Thới nhưng không được giải quyết. Ông bị thiệt hại 10 bao bột khô (mỗi bao 100.000 đồng), 03 bao bột đá (mỗi bao 300.000 đồng), 06 kiện tăm (mỗi kiện 370.000 đồng) và 01 bao keo (900.000 đồng). Tổng thiệt hại nguyên liệu làm nhang của ông là 5.000.000 đồng.

Do đó, nay ông yêu cầu ông Đ phải bồi thường cho ông tổng thiệt hại về tài sản là 35.000.000 đồng, thực hiện bồi thường ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông Q không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của ông Q về nguồn gốc và cam kết sử

dụng đường nước của anh chị em trong gia đình. Tuy nhiên, đường nước này trước năm 2018 do ông Đặng Văn K quản lý chứ không phải ông Q và đường kính của ống là 02dm. Ngoài ra, ông có quyền sử dụng đất tại phần đất phía tây lộ nhà thờ. Bởi vì năm 2016, ông Đ nhận chuyển nhượng của bà Anh P nhưng khi đó ông Đ chưa làm thủ tục hồi hương nên chưa thể đứng tên trên giấy chứng nhận được. Ông thống nhất việc ông có mở nắp bọng nước vào tháng 12 âm lịch năm 2018 như ông Q trình bày. Nhưng khi đó, nước không hề bị mặn, bà Trần Thị Mỵ N còn sử dụng nước này để tưới hoa dịp tết. Theo kết quả hòa giải ngày 02/3/2019, đến khi nào ông có giấy chứng nhận thì sẽ được quyền điều tiết nước.

Tháng 5 năm 2019, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 29/6/2019, ông có mở nắp bọng ra nhưng ông đóng lại liền trong ngày. Do đó, ông có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Do hòa giải không thành nên ông nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T vào đầu năm 2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Mỵ N có đồng ý tạo cho ông một lối dẫn nước khác nên ông đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Q và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Ngoài ra, ông không hề lấy nước vào thời điểm nước rong nhưng ông Q đã nêu. Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q, ông không đồng ý. Bởi vì ông không gây ra bất kỳ thiệt hại nào cho ông Q.

Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

- Áp dụng khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Mục 1, mục 5 phần I Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 01/3/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bảo Q về việc buộc ông Trần Văn Đ bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 35.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 10/9/2020, nguyên đơn ông Trần Bảo Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Bảo Q có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

- Bị đơn ông Trần Văn Đ có ý kiến không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Bảo Q là không có căn cứ, nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện: Ông Trần Bảo Q chủ sử dụng các thửa đất 784, diện tích 4.320m^2 và thửa đất 785, diện tích 568m^2, tọa lạc Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Tiếp giáp liền kề các thửa đất của ông Q là thửa 786, diện tích 4.000m^2 của ông Trần Văn Đ. Để sử dụng đất các đương sự và các hộ lân cận có đặt ống dẫn nước đường kính 20cm dẫn nước từ Rạch Cầu (phía đông lộ) qua đường Tỉnh lộ 877B (phía Tây lộ) để tưới tiêu, thoát nước. Vào các ngày 17, 18, 19/12/2018 (Âm lịch) và 25/10/2019 ông Đ tự ý mở nắp bọng để lấy nước vào thửa 786.

Theo ông Q, tại thời điểm ống Đ mở nắp bọng là nước mặn và triều cường. Nước mặn xâm nhập đã gây ảnh hưởng đến sự phát triển đến vườn cây dừa của ông trồng và triều cường kết hợp với trời mưa lớn liên tiếp nhiều ngày gây ngập nhà chứa nguyên liệu làm nhang của ông. Do đó, ông khởi kiện và kháng cáo yêu cầu buộc ông Đ bồi thường thiệt hại đã gây ra.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Bảo Q, nhận thấy:

- Ông Q cho rằng, vào các ngày 17, 18 và 19/12/2018 (Âm lịch) là nước mặn, nên việc ông Đ phá bọng lấy nước xâm nhập mặn là nguyên nhân gây ảnh hưởng đến sự phát triển của cây dừa, dẫn đến chất lượng và năng suất thu hoạch giảm sút so với năm trước, gây thiệt hại cho ông ước tính vườn dừa của ông khoảng 30.000.000 đồng. Xét lời trình bày của ông Q về nguyên nhân gây thiệt hại là bị nước mặn xâm nhập, năng suất dừa bị giảm sút nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh tại thời điểm ông Đ dỡ nắp bọng lấy nước là nước mặn, nồng độ mặn là bao nhiêu; chứng cứ chứng minh mức độ thiệt hại?

- Theo ông Q, ngày 25/10/2019 ông Đ dỡ bọng lấy nước, nước rong kết hợp trời mưa lớn làm ngập kho chứa nguyên liệu làm nhang, gồm: 10 bao bột khô, 03 bao bột đá, 06 kiện tăm và 01 bao keo, tổng thiệt hại là 5.000.000 đồng. Xét quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q thừa nhận, ông Đ tháo nắp bọng lấy nước thì khoảng 03 ngày sau kết hợp trời mưa lớn gây ngập kho. Do đó, không có căn cứ để xác định ông Đ là người có lỗi, nên không phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Vì thế, quyết định của bản án sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá, ông Q không bổ sung được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông. Do đó, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Bảo Q không được chấp nhận, nên ông Q phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Bảo Q; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bảo Q về việc buộc ông Trần Văn Đ bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 35.000.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Trần Bảo Q phải chịu 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng là 2.050.000 đồng. Ông Q đã nộp là 1.175.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 49438 ngày 08/6/2020 và 49510 ngày 10/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân

sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, nên ông Q còn phải nộp tiếp số tiền 875.000 đồng.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS h. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn